

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

*Lạng Sơn, ngày 21 tháng 4 năm 2014*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình**  
**Giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13/4/2011 của Liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2324/TTr-SGTVT ngày 31/12/2013,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/2003/QĐ-UB ngày 05/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và phát triển đường giao thông nông thôn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vy Văn Thành**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định việc quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Công trình giao thông nông thôn bao gồm:

- a) Đường xã: Đường nối từ trung tâm xã đến thôn và đường liên thôn.
- b) Đường thôn: Đường nối từ thôn đến xóm, đường liên xóm, đường từ xóm ra ruộng đồng.
- c) Đường ngõ, xóm: Đường trong xóm, đường trong khu dân cư, đường nối giữa các hộ gia đình.
- d) Các công trình cầu, ngầm tràn vượt suối, khe và cống trên đường giao thông nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến việc quản lý, đầu tư và thực hiện các hoạt động xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

#### **Điều 2. Nguyên tắc đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn**

1. Công trình giao thông nông thôn được xây dựng theo quy hoạch, kế hoạch gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Xây dựng công trình giao thông nông thôn theo phương châm "*nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ*", trong đó nhân dân tự làm và tự quản lý sử dụng, Nhà nước hỗ trợ vật tư thiết yếu mà nhân dân không tự làm được; hỗ trợ trong việc đào tạo, hướng dẫn, quản lý kỹ thuật và hỗ trợ thiết kế đối với những công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

2. Công trình giao thông nông thôn do chính quyền cấp xã tổ chức thực hiện thông qua Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã), trừ các dự án ODA, dự án sử dụng vốn viện trợ nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của dự án.

3. Nghiêm cấm việc sử dụng kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình giao thông nông thôn vào việc khác.

#### **Điều 3. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật công trình giao thông nông thôn**

Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng công trình giao thông nông thôn thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 315/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2011 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn lựa chọn quy mô kỹ thuật đường giao thông

nông thôn phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

## **Chương II**

### **THỰC HIỆN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

#### **Điều 4. Các nguồn lực đầu tư**

1. Nguồn lực do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trực tiếp huy động nhân dân đóng góp trên nguyên tắc tự nguyện và được thực hiện đúng các trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành:

- a) Huy động nhân công khai thác vật liệu tại chỗ để thi công công trình.
- b) Mua sắm dụng cụ, huy động nhân công tổ chức thi công.
- c) Vận động nhân dân tự nguyện hiến đất và giải phóng mặt bằng.
- d) Đóng góp bằng tiền theo quy ước, hương ước của thôn, xóm.
- e) Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, các tổ chức kinh tế, xã hội.

2. Nguồn lực do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố bố trí:

a) Cân đối từ ngân sách hàng năm của huyện, thành phố cho giao thông nông thôn.

b) Các huyện, thành phố phân bổ kinh phí cho xây dựng công trình giao thông nông thôn trong tổng số nguồn kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao ngân sách hàng năm cho các huyện, thành phố theo Nghị quyết số 54/2011/NQ-HĐND ngày 26/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2011- 2015, trong đó giành tối thiểu 35% kinh phí để hỗ trợ xi măng cho nhân dân xây dựng đường giao thông nông thôn.

c) Hỗ trợ 100% số lượng các loại ống cống, bản cống và vận chuyển đến địa điểm tập kết xây dựng của các tuyến đường đã được xã đăng ký thực hiện trong năm kế hoạch.

d) Các nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Nguồn lực do tỉnh hỗ trợ:

a) Hỗ trợ bổ sung xi măng để xây dựng mặt đường bê tông xi măng đối với các tuyến đường đã được xã, huyện đăng ký với tỉnh và được duyệt trong năm kế hoạch.

b) Hỗ trợ chi phí vận chuyển, khai thác vật liệu tại chỗ cho công trình giao thông nông thôn do cộng đồng dân cư tự tổ chức khai thác vật liệu tại chỗ để xây dựng.

4. Huy động các nguồn lực khác: Vốn ODA; vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ; vốn từ các chương trình mục tiêu khác của Chính phủ; vốn thu hút từ các nhà đầu tư, vốn đóng góp các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm.

#### **Điều 5. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trình giao thông nông thôn**

1. Xây dựng kế hoạch trung hạn: Căn cứ quy hoạch, đề án xây dựng nông thôn mới của xã, phường, thị trấn đã được phê duyệt, cơ chế, chính sách của tỉnh và khả năng huy động nguồn lực của xã, phường, thị trấn, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã xây dựng kế hoạch đầu tư tổng thể các công trình giao thông nông thôn giai đoạn 2014 - 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và phân kỳ cho từng năm; tổ chức lấy ý

kiến của cộng đồng dân cư để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

Sau khi được Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã trình kế hoạch đầu tư tổng thể các công trình giao thông nông thôn lên Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thẩm định, phê duyệt làm căn cứ để xây dựng kế hoạch đầu tư các công trình hàng năm và công bố công khai cho nhân dân trong xã, phường, thị trấn biết để thực hiện.

2. Kế hoạch hàng năm: Căn cứ kế hoạch trung hạn, căn cứ tình hình thực tế, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã lập danh mục đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Nghị quyết về kế hoạch đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn của từng năm. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp danh mục, quy mô và mức hỗ trợ, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

### **Điều 6. Cấp quyết định đầu tư, chủ đầu tư**

#### 1. Cấp quyết định đầu tư:

a) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định đầu tư, phê duyệt dự án đầu tư, báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đối với các công trình giao thông nông thôn có tổng mức đầu tư từ 03 tỷ đồng trở lên, công trình đường xã hoặc công trình cầu, ngầm có tổng mức đầu tư dưới 03 tỷ đồng nhưng có yêu cầu kỹ thuật phức tạp.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình đối với các công trình giao thông nông thôn có tổng mức đầu tư dưới 03 tỷ đồng (trừ công trình đường xã, công trình cầu, ngầm có yêu cầu kỹ thuật phức tạp); phê duyệt dự toán đầu tư công trình đối với các công trình quy mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng có kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, công trình nằm trên địa bàn thôn, giao cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

2. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng: Cấp nào quyết định phê duyệt dự án thì cấp đó phê duyệt điều chỉnh dự án khi xuất hiện các yếu tố cần điều chỉnh theo quy định.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã là chủ đầu tư các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã, trừ các công trình sử dụng vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài theo quy định riêng của dự án. Chủ đầu tư được phép thuê tổ chức có đủ năng lực làm tư vấn quản lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý dự án xây dựng công trình đối với những công trình có giá trị trên 500 triệu đồng hoặc công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp đòi hỏi có trình độ chuyên môn, kỹ thuật mà Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã tự thấy không đủ khả năng thực hiện. Việc thuê tổ chức có đủ năng lực thực hiện tư vấn quản lý dự án thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm hướng dẫn và tăng cường cán bộ chuyên môn giúp các Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã thực hiện nhiệm vụ.

**Điều 7. Công tác lập, thẩm định, phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch đầu tư xây dựng công trình**

1. Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai công tác chuẩn bị đầu tư các công trình trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư theo kế hoạch đã được duyệt.

2. Đối với dự án, công trình do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định đầu tư thì việc lập dự án đầu tư, kế hoạch đấu thầu, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình phải do đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thực hiện. Trường hợp công trình chỉ thiết kế một bước thì kế hoạch đấu thầu xây dựng công trình được phép đưa vào thành một nội dung của báo cáo kinh tế - kỹ thuật và được phê duyệt cùng với báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch đấu thầu, hồ sơ đấu thầu, hồ sơ yêu cầu và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

3. Đối với công trình phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư:

a) Lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tự tổ chức lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình và tự chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Trường hợp Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã tự thấy không đủ năng lực lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thì được phép thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với công trình có giá trị xây lắp trên 500 triệu đồng.

- Nội dung báo cáo kinh tế - kỹ thuật bao gồm: Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô kỹ thuật công trình, thời gian thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn đầu tư, cơ chế huy động vốn kèm theo thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch đấu thầu xây dựng công trình.

- Yêu cầu đối với báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Bản vẽ không quá phức tạp để thuận lợi cho quá trình giám sát cộng đồng. Biện pháp thi công đơn giản để người dân địa phương có thể chủ động tự thi công hoặc nếu thuê đơn vị chuyên nghiệp thi công thì phải có cam kết thuê lại dân địa phương thực hiện những công việc đơn giản, sử dụng tối đa nguồn vật liệu khai thác tại địa phương. Dự toán phải dễ hiểu và phân tích rõ các phần việc thuộc nguồn vốn do nhân dân đóng góp, phần việc do Nhà nước hỗ trợ.

b) Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật:

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thẩm định trước khi quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

- Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện, Phòng Quản lý đô thị thành phố (sau đây gọi chung là Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện) có trách nhiệm phối hợp tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng các công trình giao thông nông thôn đối với tất cả các nguồn vốn để giúp Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

- Nội dung thẩm định: Kiểm tra về sự phù hợp của công trình với quy hoạch, kế hoạch của xã; tính khả thi về kỹ thuật, khả năng giải phóng mặt bằng, khả năng huy động vốn, cơ cấu vốn; xem xét tính hợp lý của dự toán về đơn giá, định mức và

so sánh với các công trình, dự án tương tự; hiệu chỉnh các sai số của dự toán; sự phù hợp với dự toán được duyệt của giá gói thầu và sự phù hợp với quy định, với điều kiện thực tế của thời gian lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng của kế hoạch đấu thầu.

- Hồ sơ trình thẩm định và phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật gồm: Tờ trình xin phê duyệt của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã; báo cáo kinh tế - kỹ thuật, hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công và dự toán; các văn bản pháp lý liên quan. Nội dung chủ yếu của Tờ trình: Tên công trình, tên chủ đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô và địa điểm xây dựng, tổng mức đầu tư, nguồn vốn đầu tư, phương án huy động vốn đầu tư, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành và các nội dung khác liên quan.

- Thời gian thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật của Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện không quá 7 (bảy) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Thời gian phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật không quá 5 (năm) ngày làm việc kể từ khi Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã trình phê duyệt.

4. Đối với công trình có giá trị xây lắp đến 500 triệu đồng hoặc công trình quy mô vốn đầu tư dưới 3 tỷ đồng nhưng có kỹ thuật đơn giản và áp dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, hoặc công trình nằm trên địa bàn thôn, giao cộng đồng hưởng lợi tự thực hiện thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới thì chỉ lập, thẩm định và phê duyệt dự toán đầu tư công trình:

a) Lập dự toán đầu tư công trình (sau đây gọi tắt là dự toán):

- Trình tự lập dự toán:

+ Căn cứ danh mục công trình được áp dụng cơ chế đặc thù do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, kế hoạch triển khai hỗ trợ đầu tư của địa phương và hướng dẫn khác của cơ quan cấp trên, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã thông báo, phổ biến đến thôn và cộng đồng dân cư về cơ chế đầu tư đặc thù.

+ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã cử cán bộ chuyên môn phối hợp với thôn, Ban Phát triển thôn tiến hành lập dự toán đầu tư công trình. Sau khi lập dự toán, thôn và Ban Phát triển thôn tổ chức họp dân, lấy ý kiến của người dân trong thôn, thống nhất về các nội dung của dự toán và các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân.

+ Ban Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự toán theo các ý kiến đã thống nhất tại cuộc họp thôn trình Ủy ban nhân dân xã (kèm biên bản họp thôn) tổ chức thẩm định và phê duyệt.

- Nội dung dự toán:

+ Tên công trình, mục tiêu đầu tư, địa điểm xây dựng, chủ đầu tư, quy mô công trình, tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, thời gian thực hiện và nội dung khác (nếu có).

+ Giá trị dự toán, trong đó gồm kinh phí Nhà nước hỗ trợ, đóng góp của nhân dân, huy động khác (nếu có), hình thức đóng góp; nguồn vốn đầu tư công trình và quy định thanh quyết toán.

+ Bản vẽ thi công công trình (nếu có) theo thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

+ Khả năng tự thực hiện của nhân dân, cộng đồng hưởng lợi.

b) Thẩm định dự toán:

- Sau khi hoàn thành dự toán, thôn báo cáo Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã và trình Ủy ban nhân dân xã thẩm định.

- Hồ sơ trình thẩm định gồm: Dự toán, biên bản các cuộc họp thôn và các văn bản pháp lý liên quan đến xây dựng công trình (nếu có).

- Tổ thẩm định: Ủy ban nhân dân xã thành lập Tổ thẩm định, thành phần gồm: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã làm Tổ trưởng, đại diện Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã (sau đây gọi là Ban Giám sát cộng đồng xã), tài chính – kế toán xã, chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn do cộng đồng bình chọn.

- Nội dung thẩm định: Tính khả thi về kỹ thuật; mặt bằng thi công; khả năng huy động vốn (Nhà nước, đóng góp của nhân dân, các nguồn lực khác); sự phù hợp của công trình với quy hoạch của địa phương; tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình.

- Tổ thẩm định phải báo cáo kết quả thẩm định bằng văn bản với Ủy ban nhân dân xã, đồng thời gửi cho Ban Phát triển thôn.

Trường hợp ý kiến thẩm định chưa thống nhất với dự thảo dự toán, phải ghi nội dung chưa thống nhất trong báo cáo kết quả thẩm định để thôn điều chỉnh, bổ sung.

- Thời gian thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

#### c) Phê duyệt dự toán:

Ủy ban nhân dân xã phê duyệt dự toán trên cơ sở dự toán do thôn trình và báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định.

### **Điều 8. Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình**

#### 1. Hình thức lựa chọn nhà thầu:

a) Đối với công trình quy định tại Khoản 3, Điều 7 của Quy định này phải lựa chọn nhà thầu theo các quy định hiện hành.

b) Đối với công trình quy định tại Khoản 4, Điều 7 của Quy định này, Ủy ban nhân dân xã thông báo kế hoạch hỗ trợ đầu tư cho thôn và Ban Quản lý xã tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế với Ban phát triển thôn làm đại diện người hưởng lợi trực tiếp từ công trình tự tổ chức thi công xây dựng hoặc lựa chọn tổ thợ, cá nhân trong xã có đủ năng lực để thi công xây dựng.

#### 2. Cách thức lựa chọn nhà thầu:

a) Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều này, cách thức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo các quy định hiện hành.

b) Đối với hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại điểm b, Khoản 1, Điều này, cách thức lựa chọn nhà thầu thực hiện như sau:

- Chủ đầu tư niêm yết công khai tại nhà văn hóa thôn, khối phố, khu phố (gọi chung là thôn) hoặc trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và thông tin trên hệ thống truyền thanh (nếu có) về các thông tin liên quan đến việc lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình.

- Chủ đầu tư lập hồ sơ mời thầu bao gồm các tiêu chuẩn đánh giá, tiêu chí để lựa chọn nhà thầu trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt. Tiêu chuẩn đánh giá phải phù hợp với yêu cầu tính chất của từng công trình cũng như điều kiện cụ thể của xã

và thôn. Các nhóm thợ, cá nhân có tối thiểu 10 ngày để chuẩn bị hồ sơ dự thầu gửi chủ đầu tư.

- Trường hợp có nhiều nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân cùng đăng ký tham gia thì chủ đầu tư tổ chức họp các nhóm, cá nhân đã đăng ký để công khai lựa chọn, dựa vào các tiêu chí giá cả, tiến độ và chất lượng để phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; thành phần mời tham gia họp gồm: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, các tổ chức đoàn thể của xã, ban giám sát cộng đồng; trưởng thôn, đại diện cộng đồng dân cư tham gia dự thầu. Hết thời hạn thông báo, nếu chỉ có 01 nhóm cộng đồng dân cư hoặc nhóm thợ, cá nhân tham gia thì chủ đầu tư giao cho nhóm cộng đồng dân cư đó thực hiện. Trường hợp không có nhóm cộng đồng dân cư tham gia thì chủ đầu tư quyết định lựa chọn một nhà thầu phù hợp để đàm phán, ký hợp đồng thực hiện.

3. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị thi công các gói thầu xây dựng trên cơ sở đề nghị của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã.

#### **Điều 9. Giám sát hoạt động xây dựng**

1. Tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình:

a) Việc giám sát thi công công trình do Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đối với các công trình có yêu cầu kỹ thuật phức tạp hoặc có giá trị trên 500 triệu đồng thì Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã được phép thuê đơn vị tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình theo quy định.

b) Ban giám sát cộng đồng xã tổ chức giám sát theo quy định.

c) Phòng Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi việc giám sát thực hiện xây dựng công trình.

2. Giám sát cộng đồng: Tất cả các công trình giao thông nông thôn phải thực hiện giám sát cộng đồng theo Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng và Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTU'MTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính.

#### **Điều 10. Nghiệm thu, bàn giao, bảo hành, bảo trì, quản lý, khai thác công trình**

1. Nghiệm thu công trình:

a) Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã tổ chức nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng gồm: Nghiệm thu nguyên vật liệu, thiết bị; nghiệm thu từng công việc xây dựng; nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình; nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định.

Thành phần tham gia nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng gồm: Đại diện Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã; Ban phát triển thôn; đại diện nhóm thợ, tổ chức, cá nhân thi công xây dựng; đại diện giám sát của chủ đầu tư; Ban giám sát cộng đồng; tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng công trình. Tùy theo trường hợp cụ thể, chủ đầu tư có thể mời thêm thành phần có liên quan tham gia nghiệm thu.

b) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cử cán bộ chuyên môn tham gia và kiểm tra công tác nghiệm thu công trình hoàn thành của cấp xã làm cơ sở để thực hiện

thanh toán, quyết toán công trình và thanh toán, quyết toán phần vốn hỗ trợ của Nhà nước.

2. Bàn giao, bảo hành, quản lý, bảo trì công trình:

a) Bàn giao công trình: Sau khi nghiệm thu công trình hoàn thành, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã phải bàn giao công trình và toàn bộ hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công trình cho đơn vị có trách nhiệm quản lý, bảo trì và khai thác, sử dụng.

b) Bảo hành công trình: Các tổ chức, cá nhân thi công xây dựng công trình có trách nhiệm về bảo hành công trình xây dựng theo quy định.

c) Quản lý, bảo trì công trình:

- Đối với công trình đường xã, cầu, ngầm tràn do Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm quản lý, vận hành và bảo trì. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, huy động công lao động nhân dân địa phương và các nguồn lực hợp pháp khác để duy tu, bảo dưỡng công trình.

- Đối với công trình đường thôn bản, ngõ xóm phục vụ lợi ích các hộ dân và nhóm cộng đồng do các hộ và nhóm cộng đồng được hưởng lợi trực tiếp tự tổ chức quản lý, vận hành và tự huy động vốn bảo trì.

### **Điều 11. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư**

1. Quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư:

a) Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các công trình do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn. Riêng đối với dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù quy định tại Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ thì hồ sơ, tài liệu cơ sở ban đầu của dự án là dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền.

b) Việc quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã thực hiện theo Thông tư số 72/2010/TT-BTC ngày 11/5/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế đặc thù về quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư tại 11 xã thực hiện Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

c) Việc quản lý kinh phí hoạt động của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện theo Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-KH&ĐT-UBTUMTTQVN-TC ngày 04/12/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg ngày 14/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế giám sát cộng đồng.

2. Quyết toán, thanh toán vốn hỗ trợ đầu tư: Hàng năm Sở Tài chính căn cứ kết quả nghiệm thu công trình hoàn thành của cấp xã thực hiện, quyết toán và thanh toán vốn hỗ trợ đối với các huyện, thành phố; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lập báo cáo trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 12. Trách nhiệm của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp****1. Sở Giao thông vận tải:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng hướng dẫn liên ngành thực hiện Quy chế này.

b) Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn trong toàn tỉnh.

c) Theo dõi, tổng hợp các vướng mắc trong quá trình thực hiện và tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế này.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng hướng dẫn liên ngành thực hiện Quy chế này.

b) Đề xuất cân đối vốn từ ngân sách để hỗ trợ xây dựng giao thông nông thôn theo quy định; đề xuất cơ chế huy động vốn hỗ trợ; theo dõi tình hình thực hiện cơ chế, chính sách báo cáo Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Hướng dẫn thanh tra, kiểm tra, thực hiện công tác quản lý đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn theo quy định.

**3. Sở Tài chính:**

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng văn bản hướng dẫn liên ngành thực hiện Quy chế này.

b) Cân đối ngân sách hàng năm để bố trí kinh phí hỗ trợ cho xây dựng công trình giao thông nông thôn; quản lý, cấp phát nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thành phố; kiểm tra, đôn đốc giải ngân, thanh toán, quyết toán các nội dung hỗ trợ; thanh tra, kiểm tra việc sử dụng vốn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn quản lý, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh: Phối hợp với Sở Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng đường giao thông nông thôn gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

6. Các sở, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức thực hiện các nội dung tại Quy chế này; chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các xã thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình giao thông nông thôn.

**7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm:**

a) Huy động các nguồn lực hỗ trợ xây dựng công trình giao thông nông thôn trên địa bàn.

b) Chỉ đạo việc cấp, quản lý nguồn vốn bổ sung hỗ trợ cho ngân sách cấp xã; chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng công trình giao thông nông thôn.

c) Tổng hợp, xây dựng quy hoạch, kế hoạch, danh mục xây dựng đường giao thông nông thôn hàng năm, mức vốn hỗ trợ do cấp xã đề nghị và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Kiểm tra, theo dõi, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã trong quá trình tổ chức thực hiện; cân đối, bố trí các nguồn vốn theo cơ cấu đề xây dựng công trình; tổng hợp và lập báo cáo theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban quản lý xây dựng nông thôn mới cấp xã xây dựng kế hoạch trung hạn, kế hoạch hằng năm xây dựng công trình giao thông nông thôn; phối hợp nguồn lực hỗ trợ của tỉnh, của huyện và huy động nguồn lực của địa phương, của nhân dân để tổ chức triển khai thực hiện xây dựng công trình giao thông nông thôn từ bước chuẩn bị đầu tư cho đến khi bàn giao đưa vào quản lý và sử dụng theo quy định; quản lý mọi nguồn lực xây dựng công trình giao thông nông thôn theo quy định.

9. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân, các tổ chức, cá nhân thực hiện cơ chế chính sách xây dựng nông thôn mới; thực hiện giám sát cộng đồng trong xây dựng công trình giao thông nông thôn.

### **Điều 13. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Khen thưởng: Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào phát triển giao thông nông thôn được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Hàng năm Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xem xét đánh giá việc thực hiện Quy chế này làm cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện phong trào phát triển giao thông nông thôn.

2. Xử lý vi phạm: Cơ quan, tổ chức, cá nhân do thiếu trách nhiệm hoặc thực hiện trái quy định, làm thất thoát, lãng phí nguồn lực đầu tư, gây tổn hại đến công trình, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

### **Điều 14. Điều khoản thi hành**

1. Những nội dung không có trong Quy định này vẫn thực hiện theo các quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố gửi văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, kịp thời điều chỉnh bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vy Văn Thành**

**PHỤ LỤC I**  
**DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

**UBND XÃ.....**  
**BAN PHÁT TRIỂN THÔN...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng.....năm 20...

**DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH .....**

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân xã.....
- Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã.....

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../ của Ủy ban nhân dân huyện ..... phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới xã.....;

Căn cứ Quyết định số ...QĐ/-UBND của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành hướng dẫn thiết kế mẫu công trình.....;

Căn cứ.....

**I. Thôn lập dự toán đầu tư công trình như sau:**

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật....., theo tiêu chuẩn.....):
6. Thời gian dự kiến khởi công – hoàn thành:
7. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công.....):
8. Quy định về thanh quyết toán:
9. Tổng hợp chi phí xây dựng (có thể lập thành biểu riêng, kèm theo):

TT	Tên hạng mục	Đơn vị	Định mức (cho 1 ĐVT)	Số lượng	Khối lượng	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Ghi chú
<u>1</u>	<u>2</u>	<u>3</u>	<u>4</u>	<u>5</u>	<u>6</u>	<u>7</u>	<u>8</u>	<u>9</u>
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ VẬT LIỆU (VL)</b>							
1	Xi măng	Tấn						
2	Đá dăm	M						
3	Cát	m <sup>3</sup>						
4	Thép	kg						
5	Gạch	viên						
6	Gỗ, ván khuôn	m <sup>3</sup>						

	.....							
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ MÁY THI CÔNG (MTC)</b>							
1	Máy trộn bê tông	ca						
2	Máy cắt uốn thép	ca						
3	Máy đầm bàn	ca						
	.....							
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ NHÂN CÔNG (NC)</b>							
1	Nhân công đào	công						
2	Nhân công đắp	công						
3	Nhân công đổ bê tông	công						
	.....							
<b>D</b>	<b>NỘI DUNG KHÁC (NẾU CÓ)</b>							
	<b>TỔNG CỘNG</b>							

## II. Ban Phát triển thôn .....đề nghị như sau:

### 1. Nhà nước hỗ trợ:

- + Khối lượng vật liệu.....; tiền.....triệu đồng;
- + Chi phí quản lý:.....triệu đồng;

.....

2. Dự kiến mức đóng góp của nhân dân: .....triệu đồng (nếu đóng góp nhân công, vật liệu.....thì ghi rõ và quy ra tiền), gồm: Nhân công, vật liệu thi công, máy thi công, tiền mặt.....

Ban Phát triển thôn.....đề nghị Ủy ban nhân dân xã, Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã, thẩm định và phê duyệt./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban quản lý xây dựng NTM xã;
- Tổ thẩm định.....;
- Lưu.....

## BAN PHÁT TRIỂN THÔN.....

### **Ghi chú về thông tin bảng tổng hợp chi phí xây dựng:**

- Cột 4 là định mức được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền (hoặc tương đương giá thị trường) về lượng vật liệu, máy thi công, nhân công cho 1 đơn vị tính – ĐVT (1km kênh mương, 1km đường giao thông; 1 công trình nhà văn hóa...);
- Cột 5 là số lượng thực tế của công trình (ví dụ: 3km đường, 2km kênh, 5 cống...);
- Cột 6 là khối lượng vật liệu, máy thi công, nhân công = (4)\*(5);
- Cột 7 là đơn giá vật liệu, máy thi công, nhân công được quy định bởi cơ quan có thẩm quyền;
- Cột 8 là chi phí thành tiền = (6)\*(7).

**PHỤ LỤC II**  
**BAO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN ĐẦU TƯ**  
**CÔNG TRÌNH.....**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/4/2014  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

UBND XÃ.....  
**TỔ THẨM ĐỊNH.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH**  
**DỰ TOÁN ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH.....**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã.....

- Căn cứ Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 về bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Thông tư số 03/TT-BKHĐT ngày 07/8/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung cơ chế đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

- Căn cứ Quyết định số.....phê duyệt danh mục các dự án, công trình được thực hiện theo cơ chế đầu tư đặc thù của Ủy ban nhân dân.....;

- Căn cứ vào biên bản họp thẩm định.....;

- Căn cứ.....;

Sau khi thẩm định, Tổ thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, trình phê duyệt dự toán đầu tư công trình....., tại thôn.....với các nội dung như sau (*gửi kèm theo dự toán đầu tư công trình*):

**I.Nội dung:**

1. Tên công trình:
2. Chủ đầu tư:
3. Quy mô công trình:
4. Địa điểm:
5. Mục tiêu và nội dung đầu tư xây dựng (chỉ số kỹ thuật....., theo tiêu chuẩn .....):
6. Tổng vốn đầu tư:

- Nguồn vốn ngân sách hỗ trợ: .....

- Nguồn vốn do dân góp:.....

.....

7. Thời gian thực hiện:

8. Hình thức thi công (tự thực hiện hoặc thuê nhân công.....):

9. Các nội dung khác:

Tính khả thi về kỹ thuật; mặt bằng thi công; sự phù hợp của công trình với quy hoạch của địa phương; tính hợp lý của các chi phí so với mặt bằng giá của địa phương, với các công trình tương tự đã và đang thực hiện; khả năng tự thực hiện của nhân dân và cộng đồng được giao thi công công trình...

## **II. Kiến nghị:**

1. Nội dung thống nhất:

2. Nội dung chưa thống nhất (nếu có):

3. Nội dung khác:

.....

Tổ thẩm định, kính trình Ủy ban nhân dân xã xem xét, phê duyệt./.

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã;
- Ban Phát triển nông thôn;
- Lưu.....

**TM. TỔ THẨM ĐỊNH**